UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 270 /BC-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 24 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO
Tình hình thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2023

Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/05/2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo tình hình thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh như sau:

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện thu phí:

Ngày 05/5/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 53/2020/NĐ-CP; Sở Tài nguyên và Môi trường đã phát hành Công văn số 1265/STNMT-CCBVMT ngày 27/5/2020 để phổ biến đến các cơ quan, đơn vị và UBND 09 huyện, thị xã, thành phố và Công văn số 1514/STNMT-CCBVMT ngày 24/6/2020 để hướng dẫn các Công ty/doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện kê khai, nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp. Đồng thời, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 về việc triển khai thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh (tiếp tục phân cấp thực hiện thu phí) và đã phổ biến đến Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố biết và thực hiện theo quy định.

Đồng thời, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản yêu cầu UBND, Phòng Tài nguyên và Môi trương các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát và tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn quản lý *(Công văn số 723/STNMT-QLMT ngày 17/3/2023, Công văn số 1179/STNMT-QLMT ngày 04/4/2024);* văn bản yêu cầu các đơn vị thu phí nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp theo phân cấp thực hiện tổng hợp, báo cáo số liệu thu phí nước thải trong năm 2024 làm cơ sở báo cáo số liệu thu phí nước thải của tỉnh gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính theo quy định *(Công văn số 547/STNMT-QLMT ngày 26/02/2024).*

2. Tình hình thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do đơn vị cấp nước sạch thu năm 2023:

Tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được năm 2023 là: **10.280.762.599 đồng**, trong đó:

- Công ty cổ phần cấp thoát nước: 9.207.483.651 đồng.

- Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn: 1.073.278.948 đồng.

3. Tình hình thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp năm 2023:

- Cấp tỉnh: Đối tượng chịu phí do Sở Tài nguyên và Môi trường thu gồm 14 cơ sở nộp phí cố định, 21 cơ sở nộp phí biến đổi, với tổng số tiền **100.040.702.721** đồng.

- Cấp huyện: Đối tượng chịu phí do Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thu 206 cơ sở với tổng số tiền **574.637.265** đồng.

4. Các khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị:

4.1 Khó khăn, vướng mắc đối với nước thải công nghiệp

- Đặc thù của tỉnh Trà Vinh chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, phần lớn các cơ sở sản xuất, chế biến có quy mô vừa, nhỏ và hộ gia đình (lưu lượng khoảng 0,1 – 01 m^3/ngày); nhưng mức thu phí cố định theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP (thấp nhất là 2.500.000 /năm) là khá cao so với thu nhập của cơ sở, do đó các cơ sở nhỏ, lẻ rất khó hoàn thành nghĩa vụ đóng phí; dẫn đến tỷ lệ thu phí của cấp huyện còn thấp.

- Theo điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP: Một số loại hình trong quá trình sản xuất không phát sinh kim loại nặng (Hg, Pb, As, Cd) nhưng phải chịu chi phí để xác định hàm lượng 06 thông số ô nhiễm (Hg, Pb, As, Cd, COD, TSS) theo điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP (chi phí phân tích khá cao), do đó đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét ban hành danh mục cần phân tích để giảm chi phí cho đối tượng nộp phí.

- Theo điểm c Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định đối với cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục thì "*việc kê khai, tính toán, thẩm định số phí phải nộp được xác định theo từng kỳ 24 giờ, trong đó hàm lượng các thông số ô nhiễm tính phí và tổng nước thải thải ra của cơ sở được tính theo giá trị trung bình ngày (24 giờ) của các kết quả đo"*; tuy nhiên Nghị định chưa hướng dẫn cụ thể cách thức xác định, tính toán hàm lượng các thông số ô nhiễm theo giá trị trung bình ngày (24 giờ) được thực hiện như thế nào? Cách xác định hàm lượng này được áp dụng tính trung bình cho tổng khối lượng trung bình của một quý hay là áp dụng tại thời điểm (tại ngày lập tờ khai) kê khai.

- Theo điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP: "Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm tính phí từ 20 m^3/ngày trở lên: Hàng quý, chậm nhất là ***ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo***, ***người nộp phí kê khai phí với tổ chức thu phí và nộp phí*** vào tài khoản "Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp" của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước; nộp bổ sung số phí phải nộp theo Thông báo của tổ chức thu phí (nếu có) trong thời hạn 10 ngày kể từ khi có Thông báo". Quá trình thực hiện, một số cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh còn chậm trễ trong việc nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp so với thời gian quy định.

- Theo điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định: Tổ chức thu phí có trách nhiệm *"Thẩm định Tờ khai phí BVMT trong thời hạn **10 ngày***

làm việc *tính từ ngày nhận được Tờ khai phí. Căn cứ thẩm định tờ khai phí BVMT là số liệu kê khai của người nộp phí;* ***kết quả đo đạc của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường*** *hoặc kết quả kiểm tra, thanh tra gần nhất nhưng không quá 12 tháng tính đến thời điểm kê khai, nộp phí".* Tuy nhiên, Nghị định chưa quy định cụ thể thời điểm cơ quan quản lý nhà nước tổ chức lấy và phân tích mẫu phục vụ cho việc thẩm định tờ khai (trước hay sau thời điểm cơ sở nộp tờ khai); đồng thời thời gian lấy mẫu này có tính vào thời gian 10 ngày làm việc theo quy định này hay không? Vì nếu tính vào thì sẽ vượt thời gian quy định (thời gian lấy mẫu đến khi có kết quả khoảng 12 ngày làm việc). ***Nghị định số 53/2020/NĐ-CP cũng chưa quy định rõ đối với trường hợp kết quả phân tích mẫu của cơ quan thu phí cao hơn/thấp hơn so với kết quả của cơ sở thì cơ quan thu phí sẽ thực hiện thu phí theo kết quả nào? Ngoài ra,*** trường hợp căn cứ kết quả kiểm tra, thanh tra gần nhất để thẩm định tờ khai nhưng không đầy đủ 06 chỉ tiêu thì Trường hợp này có thể lấy mẫu nước thải bổ sung thêm đối với các chỉ tiêu còn thiếu hay không?. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện trường hợp này.

- Theo điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định: *"....lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải phục vụ cho việc thẩm định tờ khai phí.."*. Theo đó, hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ xây dựng kế hoạch và tổ chức để lựa chọn đơn vị có chức năng thực hiện lấy và phân tích mẫu nước thải phục vụ thẩm định tờ khai, theo hình thức đấu thầu do đó dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện và không đảm bảo được thời gian 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận được Tờ khai phí đối với công tác thẩm định và thông báo nộp phí quý 4 hàng năm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP. Đề nghị, Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét quy định thời gian thẩm định cho phù hợp thực tế.

4.2. Đề xuất, kiến nghị:

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn cụ thể:

+ Quy định về cách kê khai phí BVMT đối với nước thải công nghiệp loại hình nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là lĩnh vực nuôi tôm thâm canh mật độ cao. Đề xuất thực hiện thu phí cố định đối với loại hình này được không?

+ Xem xét ban hành danh mục ngành nghề tương ứng với các chỉ tiêu cần phân tích để xác định hàm lượng thông số chất ô nhiễm trong nước thải, đặc biệt là ngành nghề không phát sinh kim loại nặng (Hg, Pb, As, Cd).

+ Hướng dẫn cụ thể quy trình thẩm định tờ khai; công tác lấy và phân tích mẫu phục vụ cho việc thẩm định tờ khai (thời điểm lấy mẫu, vị trí lấy mẫu, việc sử dụng kết quả lấy mẫu...).

+ Cách thức xác định, tính toán hàm lượng các thông số ô nhiễm tính phí theo giá trị trung bình ngày (24 giờ) đối với nước thải công nghiệp phải nộp đối với cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp theo điểm c Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP.

+ Hướng dẫn cách tính/xác định lưu lượng trung bình trong năm tính phí để xác định cơ sở thuộc đối tượng nộp phí biến đổi (trên 20 m^3/ngày.đêm)/phí cố

định năm (dưới 20 m^3/ngày.đêm) trong thời điểm quý 1 hàng năm. Qua thực tế triển khai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh nhận thấy chưa đủ cơ sở để rà soát, thống kê, xác định cơ sở thuộc đối tượng nào nếu chỉ dựa trên cơ sở hóa đơn tiền nước của 03 tháng hoạt động trong quý/hoặc trên cơ sở hồ sơ thủ tục môi trường được cấp/hoặc trên cơ sở hoạt động năm liền trước (vì 01 số cơ sở năm trước thuộc đối tượng nộp phí biến đổi/cố định nhưng năm sau thì thuộc trường hợp ngược lại). Trên cơ sở đó hướng dẫn trường hợp 01 cơ sở xác định trong quý 1 thuộc đối tượng nộp phí cố định (dưới 20 m^3/ngày.đêm) nhưng sang các quý tiếp theo thuộc đối tượng nộp phí biến đổi (trên 20 m^3/ngày.đêm).

+ Quy định/hướng dẫn cụ thể đối với thời gian nộp mức phí cố định (f=4.000.000 đồng/năm) đối với cơ sở thuộc đối tượng nộp phí biến đổi (trên 20 m^3/ngày.đêm): thực hiện nộp 4.000.000 đồng ngày thời điểm quý 1 hay được chia thành từng quý f/4=1.000.000 đồng.

+ Hướng dẫn trường hợp: cơ sở thuộc đối tượng nộp phí biến đổi (trên 20 m^3/ngày.đêm) hoạt động ngay từ quý 1, thực hiện nộp phí cố định hàng quý (f/4=1.000.000 đồng); tuy nhiên các quý tiếp theo cơ sở ngưng hoạt động. Như vậy, trường hợp này có phải thực hiện nộp phí cố định hay không?

+ Bổ sung hướng dẫn trường hợp miễn thu phí nước thải đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung khu đô thị đã xử lý đạt quy chuẩn quy định khi thải ra nguồn tiếp nhận: thời điểm xác định xử lý đạt quy chuẩn quy định khi thải ra nguồn tiếp nhận ngay trước khi dự án đi vào vận hành chính thức hay hàng quý phải lấy mẫu để xác định. Trường hợp cơ sở thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục thì sẽ thực hiện xác định như thế nào? nếu có thời điểm nhất định trong quý vượt quy chuẩn quy định, đồng thời kết quả sẽ không có đủ 06 thông số quan trắc theo quy định Nghị định số 53/2020/NĐ-CP để thực hiện tính phí. Như vậy thì chủ đầu tư phải thực hiện lấy mẫu bổ sung, điều này sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp.

+ Bổ sung hướng dẫn 01 số cơ sở thuộc đối tượng nộp phí theo Điều 2 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP nhưng thực tế không phát sinh nước thải công nghiệp, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt (như loại hình dự án điện gió).

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn trong việc xử lý đối với trường hợp các cơ sở sản xuất chậm nộp phí, không nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, các mức phạt tương ứng các trường hợp chậm nộp phí; hình thức xử phạt, xử phạt bổ sung... theo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí và hóa đơn; có văn bản hướng dẫn riêng việc thu phí bảo vệ môi trường đối với loại hình nhà máy nhiệt điện

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính tăng cường công tác tập huấn nâng cao năng lực hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương về công tác thu phí nước thải công nghiệp. Đồng thời, hỗ trợ Tỉnh trong việc thu phí bảo vệ môi trường đối với các Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải.

Trên đây là nội dung báo cáo về tình hình thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2023, Sở Tài nguyên và Môi trường kính gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Cổng thông tin điện tử Sở;
- GĐ Sở (b/c);
- Lưu: VT, MT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Quốc Tuấn